Applied Sociology

Support for Development of Social Capacities of Inhabitants of the Thua Thien - Hue

CZECH REPUBLIC DEVELOPMENT COOPERATION

MPSV

DỰ ÁN „HÒA NHẬP XÃ HỘI NHỮNG NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN TẠI TỈNH THỪA THIÊN – HUẾ, VIỆT NAM“

CƠ SỞ SẢN XUẤT CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT

-Tổ chức tài trợ: Bộ Lao động và Xã hội CH Séc
-Thời gian thực hiện tại Việt Nam: 11.2007-11.2009

Huế 2007

The Project is financed by the budget of the CR within the scope of the Development Cooperation of the Czech Republic
Mgr. Jiří Kocourek - Aplikovaná sociologie, Na Sídlišti III 411, 252 43 Průhonice, www.jirkoc.cz/thuathienhue, thuathienhue@jirkoc.cz

Mục lục:

1 Lời giới thiệu 1
1.1 Mục tiêu và kết quả 4
1.2 Mô tả ngắn gọn các hoạt động 5
2 Điều kiện thực hiện 9
2.1 Điều kiên do dự án cung cấp 9
2.2 Điều kiện tại xã 9
2.2.1 Đặc điểm khí hậu 9
2.2.2 Đặc điểm thuỷ văn 10
2.2.3 Đất đai 10
2.2.4 Đặc điểm kinh tế 10
3 Xây dựng 11
3.1 Yêu cầu về kỹ thuật 11
3.2 Yêu cầu về tài chính 15
3.3 Thời gian biểu 16
3.4 Môi trường 17
4 Tư cách pháp lý và điều hành 18
4.1 Cơ cấu tổ chức 18
4.1.1 Nhân sự của dự án 18
4.2 Đầu vào, đầu ra 21
4.2.1 Nguyên liệu, sức lao động, trang thiết bị công nghệ 21
4.2.2 Tiếp thị 21
4.2.3 Những sản phẩm khác 23
4.2.4 Vận chuyển 23
5 Khuyến cáo mở rộng mô hình 24
6 Nguồn tài liệu tham khảo: 25

Bảng và đồ thị:

Bảng 1: Ngân sách xây dựng nhà xưởng 15
Bảng 2: Thời gian biểu làm việc của Cơ sở sản xuất 17
Bảng 3: Sơ đồ quản lý Cơ sở sản xuất của người khuyết tật 19

1 Lời giới thiệu

Thành lập cơ sở sản xuất cho người khuyết tật (viết tắt là cơ sở sản xuất) là một trong những mục tiêu chính của dự án „Hòa nhập xã hội những người gặp khó khăn – tỉnh Thừa Thiên – Huế“. Dự án đã được triển khai từ tháng 11 năm 2006 và kết thúc vào tháng 11 năm 2009 tại Việt Nam. Dự án này có liên quan tới những công văn quốc tế về hợp tác phát triển, những mục tiêu chính trị hiện thời và nhu cầu thực tiễn của Việt Nam và địa bàn xã Phong Mỹ trong lĩnh vực xã hội và chăm sóc y tế. Dự án cũng nằm trong những ưu tiên phát triển lâu dài của chính phủ Việt Nam.

Ngoài ra dự án còn được xây dựng trên những cơ sở pháp lý sau:

- Nghị định 131/2006/MĐ-CP ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ về ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;
- Thông tư số 04/2007/TT-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.
- Công văn số 6031/BKH-KTĐN ngày 21 tháng 8 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trình duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật “Hoà nhập xã hội những người gặp khó khăn tại huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Công văn số 1321/TTg-QHQT ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt danh mục dự án “Hoà nhập xã hội những người gặp khó khăn tại huyện Phong Điền, TT-Huế” do Séc tài trợ;
- Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế về việc phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật “Hòa nhập xã hội những người gặp khó khăn tại huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên-Huế”
- Mục tiêu về chiến lược xoá đói, giảm nghèo của Chính phủ Việt Nam và của địa phương trong giai đoạn 2006-2010 (Bao gồm xoá đói giảm nghèo, bình đẳng giới, cải thiện tình hình sức khoẻ các bà mẹ và tính bền vững của môi trường)
- Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2006-2010 của Tỉnh TT-Huế và Huyện Phong Điền.
- Những nguyên tắc của phát triển hợp tác quốc tế của Cộng Hoà Séc, đặc biệt trên các lĩnh vực ưu tiên: Giáo dục, phát triển bền vững, phát triển nông thôn, giảm nghèo và phục hồi hậu quả chất độc da cam.

Đề án mô hình cơ sở sản xuất còn xuất phát từ:

- khảo sát địa bàn tại xã Phong Mỹ
- những kiến thức mà các thành viên của dự án đã thu thập được qua những lần viếng thăm và nói chuyện tại viện Công nghệ sinh học, trường Đại học quốc gia tại Hà Nội; tại trung tâm Công nghệ Sinh học Thực vật của Viện di truyền nông nghiệp tại Hà Nội; từ những trung tâm trồng nấm tại Văn Giang, Hưng Yên, Phú Lương, Thừa Thiên – Huế; từ những tài liệu tham khảo (danh sách tài liệu tham khảo ở phần cuối đề án),
- những kiến thức có được trong phạm vi các hoạt động tại địa bàn, tại cuộc viếng thăm Liên minh các hợp tác xã nông nghiệp tại TP. Huế,
- những cuộc viếng thăm các trung tâm trồng nấm tại Huế,
- những cuộc viếng thăm hợp tác xã nông nghiệp tại xã,

- và những kiến thức có được về điều kiện kinh tế của xã – xem chương II.

Mô tả ngắn gọn về các mục tiêu của cơ sở sản xuất

Cơ sở sản xuất được xây dựng như:

- trung tâm của dự án (văn phòng, nơi tiếp khách, nơi đào tạo và nơi nâng cao trí thức cộng đồng)
- trung tâm hỗ trợ sản xuất theo mô hình hộ gia đình tại xã, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho những gia đình đã có sản phẩm
- cơ sở trồng nấm ăn – mang tính tập trung
- cơ sở trồng nấm ăn – mang tính phi tập trung đến từng hộ gia đình
- cơ sở trồng nấm ăn cùng với những sản phẩm đi kèm có liên quan
- cơ sở sẽ hoạt động như một trung tâm trợ giúp tiêu thụ nấm trồng được và những sản phẩm đi kèm khác
- cơ sở sẽ hoạt động như một trung tâm cung cấp một số dịch vụ xã hội nhất định cho những hộ nghèo và người khuyết tật

Dự án sẽ cùng với một cán bộ dự án trực tiếp quản lý về mặt vận hành đến khi giao lại cơ sở sản xuất. Cơ sở sẽ được giao lại từng bước cho ban quản lý hoặc đối tượng có tư cách pháp nhân hoặc trực tiếp cho người khuyết tật.

Một trong những công việc rất quan trọng trong việc xây dựng cơ sở sản xuất là đảm bảo mạng lưới hạ tầng cơ sở, môi trường khí hậu thích hợp, vệ sinh trong cơ sở, bảo vệ nấm tránh bị mốc phá hoại v.v.

Một trong những vấn đề quan trọng nữa là công tác tuyển dụng người khuyết tật cho từng vị trí lao động.

Cơ sở sản xuất sẽ được xây dựng theo truyền thống tại địa phương, phù hợp với cảnh quan tự nhiên. Cơ sở sản xuất cũng sẽ phải đảm bảo mức thu nhập đầy đủ, để những người làm trong cơ sở sản xuất hoàn toàn độc lập về thu nhập và không phải phụ thuộc vào giúp đỡ của Dự án. Ngoài ra cơ sở sản xuất sẽ được phát triển theo hướng mà không chỉ nhấn mạnh vào lãi lời mà cả vào vấn đề tái đầu tư từ những lợi nhuận thu được để tạo những việc làm mới hoặc nối nhịp cầu mở rộng hoạt động của cơ sở đến từng hộ gia đình được hưởng lợi tại xã.

Một trong những vấn đề then chốt nữa là đào tạo có hiệu quả cho những nhân viên trong cơ sở sản xuất và quan tâm đến sức khỏe của họ.

Cơ sở sản xuất được xây dựng gắn liền với những ưu tiên của dự án như sau:

- **cải thiện tình hình kinh tế** của đối tượng được hưởng lợi:

  Cơ sở sản xuất trong giai đoạn đầu đảm bảo việc làm cả năm cho 15 người. Ngoài ra khả năng kết nối sản xuất vào các hộ gia đình là rất thực tế – xem chương VII.; Theo ngân sách của dự án thì mỗi một người lao động được đảm bảo mức thu nhập trung bình là 500 000 đồng cho tới khi dự án được bàn giao lại (ở nông thôn, mức thu nhập dưới 200 000 đồng được coi là nghèo). Như vậy tổng mức lương cần phải đảm bảo cho người lao động tại cơ sở là 6 500 000 đồng một tháng. Mức này có thể nhiều hơn vì phải tính cả tiền thù lao cho nhân viên điều hành cơ sở sản xuất. Những lãi lợi sau khi đã trừ hết chi phí sẽ được tái đầu tư vào cơ sở sản xuất với mục tiêu mở rộng sản xuất hoặc nhận thêm nhân viên mới. Cho tới khi dự án được bàn giao việc quyết định về việc sử dụng lãi lợi hoàn toàn dưới quyền

của dự án. Khi bàn giao lại cơ sở sản xuất, ban quản trị mới sẽ phải ký hợp đồng giao kèo, trong đó ban quản trị mới sẽ cam đoan giữ một số nguyên tắc kinh tế nhất định liên quan tới lợi ích của hòa nhập những người khuyết tật tại xã. Một mặt nhóm tự lực, mặt khác là các hộ làm kinh tế sẽ tham gia vào cơ sở sản xuất.

Theo những thông tin có được từ những khảo sát và phỏng vấn thì trung bình lợi lãi từ sản xuất theo mô hình cơ sở sản xuất như vậy là 300-500 nghìn đồng một đầu người. Mức này sẽ được giữ cả ngay sau khi cơ sở sản xuất được bàn giao lại[1]. Khoản tiền này phụ thuộc vào vụ và hiệu quả của từng hoạt động (ví dụ vào mùa đông có thể trồng nấm mỡ cho giá trị cao hơn. Vì mùa hè loại nấm này không trồng được). Tại địa bàn mà cơ sở sản xuất sẽ được xây dựng thì khí hậu tương đối phù hợp. Nhờ địa thế cao nên nhiệt độ ở đây thấp hơn so với các địa bàn lân cận. Vì thế có thể nói rằng, những điều kiện để cơ sở sản xuất hoạt động tốt về mặt khí hậu được đảm bảo.

- Cơ sở sản xuất tạo **cơ hội việc làm mới**:

  Cải thiện phần nào tình hình trên thị trường lao động tại xã. Trong địa bàn xã có hai vụ lúa trong năm. Trong quá trình giao vụ người dân thường không có việc làm (khoảng 6 tháng/năm), nếu như họ không làm những việc khác như buôn bán, trồng rau hoặc sắn. Tại địa bàn xã đã có những dự án đầu tư vào những nghành nghề truyền thống. Người dân tham gia đã được gửi đi học hỏi và đào tạo như đan giỏ, đĩa và các đồ dùng khác từ cây tre, cây mây. Tuy nhiên những thử nghiệm này đã không thành công chỉ vì không có đủ nguyên vật liệu. Hơn nữa chi phí đầu vào cao hơn thu nhập có được từ đầu ra. Việc tiêu thụ sản phẩm chỉ nhằm cho xuất khẩu và xưởng sản xuất hoàn toàn bị phụ thuộc vào đơn đặt hàng của một nhà xuất khẩu[2].

- Cơ sở sản xuất sẽ góp phần **xóa đói giảm nghèo**:

  Từ phương diện trong khoảng thời gian ngắn cơ sở sẽ trợ giúp về mặt tài chính cho đối tượng được hưởng lợi từ nguồn ngân sách của dự án và từ phương diện lâu dài tạo nên một cơ cấu phát triển bền vững cho những nhóm đối tượng được lựa chọn.

- Bằng công trình của mình, cơ sở sản xuất gây tác động của mình vào lĩnh vực **phát triển nông thôn**:

  Một trong những mục tiêu của cơ quan chức năng Việt Nam, trong trường hợp này là của huyện, là cải thiện và xây dựng hạ tầng tại địa bàn. Mục tiêu này đã được Chủ tịch huyện đưa vào trong những mục tiêu của dự án. Vì thế việc xây dựng cơ sở sản xuất và văn phòng nâng cao hiểu biết của người dân tại địa bàn xã được coi là thiết yếu. Cơ sở sẽ được xây dựng phù hợp với điều kiện tự nhiên của xã không chỉ ở khía cạnh kỹ thuật mà còn cả khía cạnh mỹ quan. Ngoài ra Cơ sở sản xuất sẽ kết nối một số lượng đông đảo các hộ tham gia, tạo nên những hoạt động mới. Cơ sở sản xuất sẽ là trung tâm để cho những người có quan tâm có thể gặp gỡ, chia sẻ kinh nghiệm v.v.

- Góp phần vào giải quyết **một số vấn đề xã hội** tại xã Phong Mỹ:

  Nỗ lực của dự án là làm sao Cơ sở sản xuất không chỉ trở thành một trung tâm kinh tế, mà còn nhằm nâng cao hiểu biết trong địa bàn, thành nơi mà mọi đối tượng ở địa bàn lân cận

[1] Nói chuyện với ông Phúc, chủ tịch hội cựu chiến binh ở Văn Giang, Hưng Yên, người thành lập ra trại nấm tại đây, ngày 6.4.2007; Phỏng vấn ông Thu, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp Phú Lương 1, TT-Huế, ngày 27.09.2007. Theo những trang báo điện tử như Bưu điện Việt Nam, vnexpress v.v. kết quả của người nông dân trồng nấm là rất khả quan. Thậm chí có nơi người dân bỏ hẳn việc cấy trồng những loại cây truyền thống như lạc, để chuyển sang trồng nấm.
[2] Nói chuyện với ông Vinh, chủ nhiệm hợp tác xã Hòa Mỹ, ngày 16.4.2007.

có thể đến để chia sẻ kinh nghiệm. Cơ sở sản xuất được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu theo chất lượng liên quan tới những truyền thống xã hội thời mới của địa bàn và những nhu cầu của nó. Cơ sở sản xuất trợ giúp cho việc phát triển tự nhiên và tích cực của địa bàn, mang lại một công tác trồng trọt sản phẩm nông nghiệp mới cũng như phương pháp làm kinh tế nhưng không làm tổn hại đến môi trường. Người khuyết tật không chỉ có thể có được việc làm mà còn nâng cao được vị thế của mình trong cái nhìn của người dân ở xã và các cơ quan chức năng.

- Kết nối địa bàn được hưởng lợi vào **quá trình phát triển toàn cầu**:

  Cơ sở sản xuất là một dự án thí điểm mà sau này có nhiều đối tượng có thể tham gia: ví dụ các công ty dược, công ty chế biến v.v. (xem chương VII), dự án cũng là thí điểm của các dự án xã hội tại những địa bàn bị ảnh hưởng chất độc hóa học dioxin.

- Cơ sở sản xuất sẽ làm tăng **nhận thức** của các cơ quan chức năng có liên quan về tình hình người dân ở xã:

  Những người có quan tâm tại địa bàn cũng như các tổ chức có liên quan sẽ được tham gia vào lớp đào tạo chuẩn bị cho việc làm. Việc vận hành Cơ sở sản xuất sẽ làm thức tỉnh các bên có liên quan tham gia trực tiếp vào Cơ sở sản xuất. Kể cả các thương gia và những tổ chức khác của tỉnh cũng có thể tham gia, qua đó thông tin về Cơ sở sản xuất sẽ được lan rộng trong địa bàn tỉnh.

- **Trợ giúp trong việc bình đẳng giới và cải thiện vị thế của các dân tộc thiểu số**: tiêu chí này sẽ được áp dụng khi tuyển dụng vào làm việc tại Cơ sở sản xuất – xem chương V.

1.1 Mục tiêu và kết quả

Mục tiêu 1
Xây dựng CƠ SỞ SẢN XUẤT
Kết quả 1.1
Cơ sở sản xuất – xây dựng
Tìm địa điểm phù hợp, trang bị, vật liệu, sản phẩm, ...nhân lực (ít nhất là 12 người) và đào tạo nhân lực, tư cách pháp nhân, cung ứng vật liệu và tiêu thụ, tổ chức công việc tại Cơ sở sản xuất . Sản phẩm mang ra thị trường, làm thuốc.
Kết quả 1.2
Xây dựng dần dần nhóm tự lực PWD, tuyển dụng và đào tạo nhân viên vào làm việc cũng như các hộ tham gia. Đào tạo quản lí trong khuôn khổ hợp tác với dự án Phần Lan
Kết quả 1.3
Đưa vào hoạt động
Đảm bảo hoạt động của Cơ sở sản xuất, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong khuôn khổ Cơ sở sản xuất
Kết quả 1.4
Cơ sở pháp lý mới của Cơ sở sản xuất và tính bền vững của nó. Đảm bảo những nguyên tắc phát triển trong khuôn khổ xưởng sau khi dự án phát triển song phương của CH Séc kết thúc.

Mục tiêu 2
Văn phòng nâng cao hiểu biết trong khuôn khổ xưởng: đẩy mạnh hợp tác cộng đồng: có nghĩa là tạo điều kiện cho những hộ khác có thể tham gia. Trong khuôn khổ Cơ sở sản xuất sẽ có một phòng được xây dựng để đào tạo.
Mục tiêu 3

Liên kết hoạt động của xưởng với nhóm tự lực, mở rộng sản xuất và mở cửa cho những hộ gia đình khác tham gia.

1.2 Mô tả ngắn gọn các hoạt động

Thành lập Cơ sở sản xuất

- tìm địa bàn thích hợp
- xin đất
- đặt thiết kế kiến trúc
- tìm tư cách cá nhân phù hợp
- tuyển dụng công ty xây dựng

Dự án kế hoạch thành lập Cơ sở sản xuất được xây dựng trên ý tưởng của nhóm dự án, thông qua những đợt tham khảo ý kiến với đội ngũ y tế của địa bàn, với những chuyên gia trong lĩnh vực y tế và công tác xã hội tại Việt Nam (xem chương V). Ý tưởng này sẽ được ban quản lý dự án cũng như những cơ quan có liên quan cho ý kiến và phê duyệt.

Về phía Séc, phó chủ nhiệm dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm trong công tác tổ chức xây dựng Cơ sở sản xuất, qua việc thông báo và tham khảo ý kiến với chủ nhiệm dự án. Sau khi tuyển chọn công ty xây dựng sẽ cần thiết phải lo việc giám sát xây dựng. Việc giám sát này có thể sẽ do toàn bộ người trong nhóm dự án. Nhóm này sẽ thường xuyên gặp và trao đổi ý kiến trong suốt quá trình thực hiện dự án. Ngoài ra, điều phối viên phía Việt Nam hoặc một nhân viên xã hội của dự án cùng với đại diện của nhóm tự lực sẽ có trách nhiệm thông báo cũng như giám sát.

Vì Cơ sở sản xuất cho người khuyết tật là một cơ sở đầu tiên tại địa bàn, dự án sẽ tận dụng nhân lực là người khuyết tật với những mức khuyết tật khác nhau vào những công việc khác nhau. Như vậy, Cơ sở sản xuất còn có thêm ý nghĩa giáo huấn và đại diện. Cơ sở sản xuất có thể sẽ là một ví dụ cho một loạt những Cơ sở sản xuất cho người khuyết tật khác được xây dựng trong những địa bàn bị ảnh hưởng chất độc da cam. Những công việc tại mô hình sản xuất được đề ra này không khó và thích hợp với phần lớn những người khuyết tật.

Tuyển dụng nhân lực

Một hoạt động song song với việc xây dựng là tuyển dụng nhân công vào Cơ sở sản xuất. Vì đây là Cơ sở sản xuất cho người khuyết tật nên những người được nhận vào làm việc sẽ là những đối tượng khuyết tật. Trong xã có khoảng 250 người khuyết tật, và phần đông trong số họ là trẻ nhỏ bị thiểu năng trí tuệ, chậm phát triển, bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận trên cơ thể và những người lớn bị cụt chân, tay.

Đào tạo

Trước khi những người được tuyển dụng bắt đầu tham gia vào sản xuất tại Cơ sở sản xuất, họ sẽ được gửi đi đạo tạo một khóa học ngắn ngày. Nhân viên đào tạo sẽ trực tiếp giám sát trong giai đoạn đầu khi Cơ sở sản xuất bắt đầu làm việc. Viện công nghệ sinh học tại Hà Nội cung cấp một chương trình đào tạo là 2 tuần. Viện chuyên nghiên cứu về việc trồng và phát triển nấm. Viện có một đội ngũ cán bộ dày dạn kinh nghiệm trong lĩnh vực nuôi trồng nấm. Ngay tại Viện cũng có những cơ sở trồng nấm và theo giám đốc Viện thì tại đây họ đã tổ chức thành công rất nhiều khóa đào tạo trồng nấm. Khóa đào tạo sẽ là 2 tuần. Công nhân của Cơ sở sản xuất tham gia vào khóa này sẽ được học cả lý thuyết lẫn thực hành. Tại đây họ có thể trực tiếp tham gia vào việc cấy trồng nấm. Ngoài ra họ được cho đi thăm quan một số cơ sở trồng nấm hiện đang thành công và phát triển tốt để có thể trực tiếp học hỏi kinh nghiệm. Ngay sau khi được đào tạo, các công nhân sẽ tham gia vào làm việc tại Cơ

sở sản xuất dưới sự hướng dẫn và giám sát của chuyên gia. Chuyên gia này sẽ được Dự án thuê để giám sát các công việc tại đây cho tới lần thu hoạch đầu tiên (khoảng thời gian dự tính sẽ là 3 tháng để thu hoạch một vụ nấm). Khoảng thời gian bắt đầu sản xuất được dự tính vào quý I của năm 2008. Khóa đào tạo này sẽ cung cấp những kỹ năng cơ bản cho việc chuẩn bị cũng như trồng nấm, kể cả thu hoạch và chế biến.

Ngoài ra một số cơ quan khác cũng có những khóa đào tạo tương tự. Ví dụ Liên minh các hợp tác xã nông nghiệp cũng đảm bảo cộng tác trong những khóa đào tạo tương tự. Những điều kiện cộng tác cụ thể sẽ được tiếp tục thảo luận. Hợp tác xã nông nghiệp Phú Lương I cũng cung cấp dịch vụ đào tạo này. Đây là nơi có nhiều kinh nghiệm nhất trong việc trồng nấm rơm và nấm Linh Chi tại địa bàn.

Khóa đào tạo bao gồm lý thuyết và thực hành ngay tại cơ sở đào tạo. Người tham gia khóa đào tạo được nhận tài liệu để học lý thuyết. Trong khi học lý thuyết, học viên được bổ túc những kỹ năng trồng từng loại nấm và từng giai đoạn phát triển của nấm. Điều kiện được thực hành ngay tại cơ sở giúp cho học viên áp dụng ngay kỹ năng mới được truyền đạt. Đó là một cái lợi rất lớn cho những người khuyết tật.

Sau khi được đào tạo tại cơ sở, chính những chuyên gia ở cơ sở này sẽ trực tiếp cùng các học viên thực hành ngay tại Cơ sở sản xuất. Họ sẽ giám sát đến chất lượng công việc ngay từ vụ đầu tiên, hoặc tiếp theo, tùy theo nhu cầu. Ngoài ra những chuyên gia này sẽ tiếp tục tư vấn khi gặp vấn đề về kỹ thuật và cùng đưa ra cách giải quyết.

Trước khi Cơ sở sản xuất được đưa vào hoạt động thì có khả năng dự án sẽ tổ chức sản xuất tại hộ những người bị khuyết tật. Ví dụ với mục tiêu sản xuất thử để giới thiệu sản phẩm. Nhờ vậy Cơ sở sản xuất sẽ được biết đến trước khi nó được xây dựng xong và việc tiêu thụ sản phẩm đầu tiên có thể được đảm bảo.

Hoạt động của Cơ sở sản xuất

Ngoài sản xuất ra, cơ sở sản xuất còn phục vụ cho những mục tiêu khác. Điều phối viên Việt Nam sẽ có trụ sở tại đây. Tại văn phòng của Cơ sở sản xuất có thể có những cuộc thảo luận cũng như những buổi hội thảo chuyên đề. Những sản phẩm khác cũng có thể được giới thiệu tại đây. Tại Cơ sở sản xuất cũng sẽ được thành lập một trung tâm phục vụ cho công tác xã hội tại địa bàn. Tất nhiên Cơ sở sản xuất cũng sẽ được trang bị máy tính và những thiết bị khác, xe máy v.v.

Những hoạt động cuối (bàn giao tài sản, mở rộng lĩnh vực hoạt động v.v.)

Khi bàn giao dự án sẽ có một số cuộc đàm phán được tổ chức. Trong khuôn khổ những cuộc đàm phán này dự án sẽ được kết thúc. Việc thể chế hóa Cơ sở sản xuất cũng sẽ được kết thúc. Tất cả mọi tài sản có trong dự án cũng như những tài liệu giảng dạy và kết quả nghiên cứu khảo sát sẽ được bàn giao lại cho phía Việt Nam, những người được hưởng lợi từ Cơ sở sản xuất, hoặc đối tác. Những bước tiếp theo để tận dụng Cơ sở sản xuất trong tương lai tại địa bàn cũng sẽ được đặt ra. Những hợp đồng về việc sử dụng kết quả của dự án trong vòng 5 năm cũng sẽ được ký kết.

Cơ sở sản xuất là một trong những mục tiêu chính của dự án sẽ là một dự án thí điểm tại địa bàn. Điều này có nghĩa là sẽ tồn tại những khả năng mở rộng mô hình sản xuất của Cơ sở sản xuất. Ví dụ như chuẩn bị toàn bộ việc ươm giống, cấy nấm để Cơ sở sản xuất có thể cung cấp nấm đã cấy vào bịch cho những hộ tham gia vào sản xuất (trồng nấm). Ngoài ra Cơ sở sản xuất cũng sẽ thu mua sản phẩm làm ra từ những hộ này. Vì vậy ý tưởng xây dựng một trung tâm chế biến và xuất khẩu những sản phẩm nông nghiệp tại đây hoàn toàn có thể thực thi.

Trồng nấm

Nấm ăn là một loại thực phẩm rất giàu dinh dưỡng, chứa một lượng đạm thấp hơn chỉ so với thịt và cá. Nấm chứa nhiều chất khoáng và những loại vitamin như A, B, C, D, E v.v. và không chứa độc tố. Có thể coi nấm là loại „thịt sạch“ hay „rau sạch“. Ngoài ra nấm còn chứa những chất có thể chữa bệnh, chất làm tăng khả năng đề kháng và giúp chữa một số loại bệnh như cao huyết áp, phì, các bệnh đường ruột. Ngoài ra nó có thể làm sạch máu v.v. Nấm có thể tiêu thụ dưới dạng tươi, sấy khô hoặc muối (đóng hộp).

Vào những năm gần đây tại Việt Nam, trồng và tiêu thụ nấm có chiều hướng tăng rất nhanh nhờ những chức năng tốt của nó như giàu dinh dưỡng và hiệu quả kinh tế khi trồng. Theo các kết quả khảo sát tại Việt Nam, hiện có những điều kiện tốt về mặt tự nhiên, kinh tế và xã hội để trồng nấm. Thời tiết tại Việt Nam cho phép trồng nấm quanh năm. Những tư liệu tham khảo về trồng nấm dễ kiếm và với giá rẻ, nguồn nhân lực vẫn còn rất dồi dào. Tuy vào 10 năm trở lại đây công việc trồng nấm rất được chú ý và được coi như là một ngành mới của nông nghiệp nhưng việc trồng nấm vẫn còn ở dạng nhỏ, lẻ, không đồng nhất. Hơn nữa, nấm mới chỉ được tiêu thụ chủ yếu tại thị trường nội và điều này hoàn toàn không đáp ứng với khả năng trồng nấm.

Tại Việt Nam các loại nấm được trồng chủ yếu là nấm sò, nấm mỡ, nấm rơm, mộc nhĩ, nấm hương và nấm Linh chi. Riêng nấm Linh chi có khả năng chữa bệnh rất tốt – làm cải thiện rõ rệt khả năng đề kháng của cơ thể, điều chỉnh huyết áp, lượng mỡ trong máu, chữa hen và rất hiệu quả cho các bệnh nhức đầu, mất ngủ. Ngoài ra nó còn chứa những chất có công dụng trong việc chữa trị bệnh ung thư. Ngoài ra tại Việt Nam cũng được trồng một số các loại nấm khác như nấm Mèo nhật bản, nấm đùi gà... có hiệu quả kinh tế rất cao.

Nấm hương đặc trưng có vị và hương rất đặc biệt và có công dụng rất tốt cho sức khỏe. Những tài liệu chuyên môn thường khuyến cáo là ăn nấm hương thường xuyên có tác dụng hạ lượng mỡ trong máu, tăng khả năng đề kháng và chống lại sự xuất hiện của tế bào gây ung thư. Ta có thể nấu nấm như bình thường và nhờ có hương rất đậm của mình, nó thường được thêm vào làm vị cho hàng loạt thức ăn. Có thể nấu canh với những loại thịt khác nhau.

Những công dụng chữa bệnh của nấm hương:

- tăng khả năng đề kháng
- chống lại sự xuất hiện của tế bào ung thư
- chống lại vi khuẩn lạ trong cơ thể
- có công dụng trong chữa trị các loại bệnh tim và mạch
- là nguồn B12 và D2[3]

Nấm linh chi có chứa nhiều chất làm sạch máu, chứa ít chất đạm, mỡ, có nhiều vitamin và các chất khoáng như canxi, kẽm, mangan, sắt, đồng v.v. Nó có chữa chất đa đường, chất này có tác dụng chống lại khối u và tăng khả năng đề kháng.

Nấm linh chi được sử dụng ở Trung Quốc từ hàng ngàn năm nay và được coi như là một loại nấm giúp trường thọ, như nấm hương được coi tại Nhật Bản. Tiếng hán ¨Ling Zhi¨ hoặc ¨Ling Chih¨ được coi như là nấm bất tử hoặc như là „bông hoa kỳ diệu“. Cuối những năm 80 có những công trình nghiên cứu được công khai đã chứng minh được khả năng điều chỉnh lượng đường, mỡ trong máu, huyết áp của nấm. Linh-chi hiện tại ở Việt Nam được trồng với mục đích

[3] http://www.volny.cz/myceliumwolf/siitake.htm

chữa bệnh. Người ta sấy khô làm chè, ngâm rượu hoặc dùng làm một trong những vị thuốc quý. Ở một số nơi trên thế giới người ta xay thành bột, làm thành viên thuốc, làm si rô v.v. Tại Trung Quốc người ta cho bệnh nhân uống chiết xuất từ nấm này dưới dạng si rô như một trong những khâu chữa bệnh:

- tăng miễn dịch
- hen
- bệnh tim mạch
- bệnh viêm gan
- mất ngủ
- nhức đầu
- đau khớp v.v.

Nấm linh chi được sử dụng cho các nhà du hành vũ trụ của Nga với mục đích tăng cường khả năng của họ và để phục hồi các cơ quan trong cơ thể[4].

Nấm sò được rất nhiều người ưa chuộng vào cuối thế kỷ 20. Bên cạnh nấm mỡ càng ngày người ta càng thấy loại nấm này được bán trên thị trường. Nấm sò không có tác dụng chữa bệnh như các loại nấm trên nhưng nó có ý nghĩa trong thực phẩm. Ý nghĩa của nó được tăng khi người ta có thể trồng nó trên rơm rạ, mùn cưa hoặc trên các mẩu gỗ mục, cành cây...Nấm sò được sử dụng để nấu canh hoặc người ta cũng có thể đóng hộp trong giấm (tốt nhất là giấm làm từ nho). Các nhà khoa học cũng đã chứng minh được rằng chất glucan trong nấm giúp giảm lượng mỡ trong máu, huyết áp (các bệnh tim, mạch), cải thiện lượng đường trong máu và có tác dụng chống dị ứng[5].

Nấm bào ngư (hay còn gọi là nấm đuôi phượng, nấm sò trắng) tương tự như nấm sò. Vị của nó cũng giống nấm sòn và có tác dụng chữa bệnh tương tự. Nó chỉ khác nấm sò là cây nấm nhỏ hơn và Mặt trên mũ nấm phẳng, màu trắng kem - vàng kem, hơi ngả màu vàng và xám nhạt khi già, khô, có lông rất trắng mịn ở phần gốc.

Mộc nhĩ được người ta trồng tại châu Á từ 1500 năm trở lại đây. Ngày nay mộc nhĩ cũng chiếm một vị trí trong các món ăn tại Trung Quốc và tại Việt Nam. Có thể sấy khô và sau khi ngâm nước, nó cho lại tính chất gần như lúc còn tươi.

Ở châu Âu người ta trồng nấm mỡ đã gần 400 năm trở lại đây. Tuy nhiên loại nấm này đòi hỏi có môi trường tốt để phát triển, có nghĩa là việc chuẩn bị để cấy giống và chất nuôi nấm cần được chuẩn bị rất kỹ lưỡng. Cái lợi của trồng nấm này là nó không cần nhiều ánh sáng để phát triển. Tuy nhiên ngược lại nó là loại nấm tương đối hay bị mắc

[4] http://zeth4beatz.blog.cz/0709/lesklokorka-leskla
[5] http://www.houby.net/cs/hliva_ustricna/?cid=4

bệnh so với các loại nấm khác. Ngay cả khi ruồi đậu và thải lên mũ nấm, cả cây nấm có thể cũng bị thối. Nó là loại nấm ăn rất ngon, một trong những loại ngon nhất. Người ta nấu nó cùng với cá, và các loại thức ăn có thịt v.v. Ngoài ra có thể đóng hộp bằng nhiều cách, đặc biệt là với các cây nấm non.

Các tác dụng chữa bệnh: chống dị ứng với một số loại vi khuẩn

Kukmák sklepní-nấm rơm

Một loại nấm được biết ít trên thế giới. Tuy nhiên nó lại được trồng và tiêu thụ nhiều ở Việt Nam. Nó được trồng trên rơm, nên có tên là nấm rơm. Tại thời điểm hiện tại loại nấm này được coi như là lời giải đáp cho vấn đề việc làm và cải thiện đời sống ở nông thôn, nhất là những nơi chỉ trông vào cây lúa. Cái lợi khi trồng nấm này là người ta có thể tận dụng rơm sau vụ mùa và loại nấm này rất dễ trồng. Có thể trồng nó trong lán trại cũng như ở ngoài trời. Thêm nữa thời gian từ lúc trồng tới lúc thu hoạch rất ngắn (khoảng 21 ngày). Bên cạnh nấm mỡ và nấm hương, sức tiêu thụ của nấm rơm đứng thứ 3 trên thế giới[6].

2 Điều kiện thực hiện

2.1 Điều kiên do dự án cung cấp

- Ngân sách

Tổng số tiền mà dự án dành cho việc xây dựng và trang bị cũng như đào tạo cho Cơ sở sản xuất trong vòng 3 năm là 1 348 952 Korun, tức là vào khoảng 12% tổng ngân sách dự án.

Số tiền này sẽ dần được sử dụng cho chi phí huấn luyện (sẽ có một kế hoạch huấn luyện cụ thể), xây dựng nhà xưởng, đưa vào vận hành v.v. cho tới khi dự án kết thúc. Tất cả những thu nhập có được từ việc bán sản phẩm của Cơ sở sản xuất sẽ được tái đầu tư[7].

- Ban quản lí Cơ sở sản xuất

Ngay từ đầu các thành viên dự án sẽ tham gia vào công tác xây dựng nhà xưởng và quản lý. Việc vận hành của xưởng sẽ hoàn toàn dưới sự chỉ đạo của dự án và ban quản lí dự án cho tới khi xưởng được bàn giao lại tới tay của những đối tượng được hưởng lợi của dự án (nhóm tự lực hoặc hội người khuyết tật tại xã). Mục đích của việc này là để cho xưởng được chỉ đạo theo hệ thống và mục đích của ý tưởng mô hình xưởng nêu ra.

Tại xưởng sẽ có cán bộ lãnh đạo, cán bộ xã hội và cán bộ chịu trách nhiệm chăm sóc người lao động khuyết tật, những người lao động khuyết tật và có khả năng là cả kế toán viên của xưởng và của dự án, những đồng sự và những người tình nguyện khác, các hộ tham gia xưởng v.v.

2.2 Điều kiện tại xã

2.2.1 Đặc điểm khí hậu

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa: nóng, ẩm, mưa nhiều. Có 2 mùa mưa nắng rõ rệt: mùa mưa từ tháng 10 đến hết tháng 1 năm sau và mùa khô từ tháng 2 đến tháng 9.

a.Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình trong năm 24,2^{0}C.

Tháng có nhiệt độ cao : Tháng 6 và tháng 7, nhiệt độ từ 36-41^{0}C;

[6] http://www.mssf.org/cookbook/straw.html
[7] Ngân sách cho những hoạt động này xem dưới đây.

Tháng có nhiệt độ thấp: Tháng 12 và tháng 1, nhiệt độ từ 12-17^{0}C.

Biên độ nhiệt trung bình trong ngày là 7,1^{0}C, tháng có biên độ dao động lớn là tháng 7 (9,1^{0}C).

b.Chế độ gió: Có các loại gió chính hoạt động trong vùng như sau:

-Gió mùa Đông Bắc : Thổi theo hướng Đông Bắc – Tây Nam, mang theo khí lạnh và mưa, hoạt động từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau;

-Gió Tây Nam (gió phơn): Thổi từ hướng Tây Nam tới, cường độ gió và tính chất khô nóng tuy có giảm so với vùng Quảng Trị nhưng cũng khá khắc nghiệt, thời gian hoạt động từ tháng 5 đến tháng 7 hàng năm.

Ngoài ra còn có gió Đông Nam thổi từ biển vào, gió này mang theo hơi nước mát mẻ.

c.Bão và lũ lụt: Tần suất xuất hiện bão từ 0,7-1,2 cơn/năm. Lũ lụt ảnh hưởng không đáng kể.

d.Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình 2400mm/năm.

Mùa mưa từ tháng 10 đến hết tháng 1 năm sau, chiếm 78% lượng mưa cả năm. Hai tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 10 và tháng 11, lượng mưa trung bình từ 600-800mm/tháng.

Mùa khô bao gồm các tháng còn lại, chiếm 22% lượng mưa cả năm. Các tháng mưa ít là tháng 7, tháng 8; lượng mưa bình quân 50-60mm/tháng.

e.Chế độ nắng: Số giờ nắng trung bình 1900 giờ/năm. Thời kỳ nắng nhiều từ tháng 4 đến tháng 9.

f.Độ ẩm không khí : Độ ẩm tuyệt đối trung bình năm 27,1mb; độ ẩm tương đối trung bình 85%/năm .

2.2.2 Đặc điểm thuỷ văn

Nước mặt dồi dào, gồm sông Ô Lâu và các khe suối trong vùng, nước từ thuỷ lợi Quao là nguồn cung cấp nước cho sản xuất và đời sống.

2.2.3 Đất đai

Chủ yếu là đất được hình thành và phát triển trên đá mẹ là đá phiến và đá vôi, thành phần dinh dưỡng trong đất ở mức trung bình, ngoài ra có đất phù sa cổ ven sông suối và một ít đất phù sa được bồi hàng năm.

2.2.4 Đặc điểm kinh tế

Cho tới thời điểm này địa bàn xã chưa có một dự án nào được dành cho người khuyết tật. Toàn xã có hơn 950 hộ, 5133 người, khoảng 250 người bị khuyết tật. Theo báo cáo của huyện tại xã có khoảng 40 người khuyết tật có khả năng lao động. Tuy nhiên không có thông tin nào về khả năng lao động của họ được công nhận hoặc không công nhận theo phương pháp nào. Thu nhập chính của bà con là từ sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, lạc) nghề rừng, chăn nuôi gia súc, trồng cao su, … Hầu hết thu nhập của bà con rất thấp, đời sống còn khó khăn. Đặc biệt hoàn cảnh tại những hộ có trẻ khuyết tật còn khó khăn hơn nữa, khi một người cha hoặc mẹ phải chăm sóc trẻ đó và điều này dẫn đến việc mất đi một nhân công trong hộ gia đình. Qua những cuộc nói chuyện với người dân ở xã nhóm dự án được thông tin là ngoài 2 vụ lúa trong năm thì những người dân ở đây hầu như không có việc làm, trừ những người tham gia vào buôn bán lẻ. Vì người dân ở đây quen với nghề nông và học vấn của họ còn thấp, nên dự án phải cho họ công việc sao cho phù hợp với khả năng của họ và đáp ứng được khả năng tài chính của dự án. Khả năng này không thể làm thay đổi hoàn toàn khả năng lao động của họ (ví dụ cho họ đi học làm máy móc, đầu tư cho một cơ sở sản xuất công nghiệp...).

Tuy là xã thuộc vùng đồi núi, được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước và các nguồn lực huy động khác, hạ tầng cơ sở cho sản xuất và đời sống đang được đầu tư từng bước.

Về Hệ thống điện: 100% thôn trong xã có điện lưới, 92% dân số sử dụng điện cho sản xuất và sinh hoạt, riêng khu vực vùng đang quy hoạch dân cư Bắc Ô Lâu hiện đang được đầu tư thành khu dân cư tập trung của đồng bào tái định cư.

Hệ thống đường giao thông: Có tuyến tỉnh lộ 11B, tỉnh lộ 17 và tỉnh lộ 9 đi từ trung tâm huyện lỵ lên đến trung tâm xã; các hệ thống đường giao thông liên thôn, liên xã chủ yếu là đường đất, đường mòn, một phần đang từng bước được bê tông hoá.

Trường học: Trên địa bàn có trường THCS và các trường tiểu học, hàng năm tuy được sửa chữa, nâng cấp, song các trường dược xây dựng từ lâu, đến nay đã xuống cấp, chưa có cơ sở đào tạo cho người khuyết tật.

Hệ thống y tế cơ sở: Tại trung tâm xã có Trạm y tế được xây dựng khá khang trang, đội ngũ Bác sĩ, y tá đảm bảo chuẩn theo quy định, tuy nhiên thiết bị y tế chưa đảm bảo cho các hoạt động sơ cứu, cấp cứu trước khi chuyển lên tuyến trên; hệ thống y tế thôn, bản thường xuyên được tập huấn nâng cao kiến thức, nhưng vẫn còn bị hạn chế.

Hệ thống nước sinh hoạt: Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh 53,2%. Nguồn nước sử dụng chủ yếu nước tự chảy, nước giếng, nước sông suối. Hiện trên địa bàn có hệ thống nước tự chảy cấp nước sinh hoạt song đã xuống cấp.

Xung quanh xã có rất nhiều chợ bán các sản phẩm nông nghiệp. Những người đại lí nhỏ cũng như lớn có khả năng đến mua hàng tới những nơi xa để mua hàng và giao lại bán tại các chợ. Ngay cả những người dân ở xã cũng đã nói là sẵn sàng tham gia vào khâu bán hàng, có nghĩa là họ cất hàng từ xưởng và đổ tại các chợ như những người đại lý đổ buôn[8].

3 Xây dựng

3.1 Yêu cầu về kỹ thuật

Cơ sở sản xuất là một trong những mục tiêu chính của phần thực hiện dự án. Đề án xây dựng phải được xây dựng trên một số mức. Phần dưới đây là những yêu cầu kỹ thuật cụ thể mà Cơ sở sản xuất phải được xây dựng theo:

- Diện tích mặt bằng xây dựng theo đề án là 2000m^2;
- Vì đối tượng tham gia vào Cơ sở sản xuất phần lớn là người khuyết tật nên Cơ sở sản xuất cần phải được xây dựng sao cho những người này có thể đi lại và làm việc một cách thuận tiện; văn phòng và những phòng khác cần phải được xây dựng để không có rào cản đối với họ;
- Nếu có thể, mặt bằng xây dựng cần được bố trí gần với đường giao thông nhất, để người nhân công có thể đi lại dễ dàng. Ngoài ra mặt bằng cũng phải cần gần với hạ tầng cơ sở, hệ thống thoát nước, rác thải v.v. Con đường tới mặt bằng tối thiểu phải có chiều rộng tối thiểu là 3,5m và chiều cao tối thiểu là 4,1m, để xe có thể lưu thông được;
- Vì tính chất sản xuất của Cơ sở sản xuất thì mặt bằng cần phải gần nguồn nước. Nếu không có đường ống dẫn nước đến thì cần phải có giếng. Theo như kinh nghiệm của những người dân ở xã, thì xã nằm trên một vùng đất mà dưới sau là tầng đá ngầm, và không thể đào giếng sâu hơn 12-15m. Số lượng giếng đào phụ thuộc vào mặt bằng được cấp ở đâu, ở nơi trực tiếp có nguồn nước hay không. Lượng nước cần thiết cho việc tưới tiêu hàng ngày là rất lớn. - khoảng 20m^3. Nếu mặt bằng được cấp chỉ có 1 nguồn nước ngầm thì rất có thể sẽ không đủ

[8] Cuộc nói chuyện với ông Vinh, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp Hòa Mỹ ngày 16.4.2007, với ông Thu, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp Phú Lương I ngày 27.9.2007

nước cho sản xuất, nên cần phải dẫn nước đến từ nơi khác. Việc dẫn nước này phụ thuộc rất nhiều vào vị trí của mặt bằng cách nguồn nước bao xa, mức độ khó khi mắc đường dẫn nước và ngân sách;

- Xã là một địa bàn thường bị thiên tai hàng năm. Vì vậy Cơ sở sản xuất khi xây dựng phải xét đến khía cạnh phòng chống bão và lũ lụt. Có nghĩa là công trình phải được xây dựng vững chắc, móng phải được tôn cao hơn so với điều kiện bình thường để đề phòng lụt.
- Trên mặt bằng này Cơ sở sản xuất sẽ có những phòng như sau:
  - Văn phòng: văn phòng sẽ được sử dụng không chỉ cho mục đích lao động mà còn là nơi gặp mặt và nâng cao nhận thức của người dân. Như vậy tại đây sẽ được tổ chức những đợt tập huấn, đào tạo, thảo luận và gặp gỡ. Tại văn phòng này cũng sẽ trưng bày những sản phẩm của Cơ sở sản xuất. Diện tích văn phòng vào khoảng 50m^2 (kích thước dự trù là 5x10m), và được xây dựng ngay lối vào. Tường sẽ được xây kép và mái lợp ngói. Văn phòng sẽ được thiết kế sao cho có nhiều ánh sáng (ít nhất là 5 cửa sổ), có thông gió trực tiếp. Các công trình phụ như nhà vệ sinh, nhà tắm... phải được thiết kế để người khuyết tật lẫn người viếng thăm có thể sử dụng được
  - phòng dạy nghề (30m^2)
  - phòng đào tạo nhỏ cho trẻ khuyết tật (khoảng 25m^2)
  - phòng lạnh (khoảng 5x10m) sẽ là nơi trồng những loại nấm có yêu cầu về điều kiện nhiệt độ thấp hơn. Vì xã là địa bàn có nhiệt độ trung bình tương đối cao, không có phòng lạnh sẽ không trồng được những loại nấm có giá trị cao hơn. Trong phòng lạnh cũng là phòng để mầm nấm có thể mọc
  - kho: kho cho nguyên vật liệu (100m^2). Kho này không cần phải xây tường chắc, nhưng phải được thiết kế để nguyên vật liệu luôn luôn được kho ráo
  - một kho nữa dùng để cất giữ sản phẩm (60m^2). Kho này cần được xây tường để đảm bảo vệ sinh và chống bụi cũng như chống ẩm, mốc. Chính vì vậy cả hai kho cần phải được thiết kế, sao cho độ ẩm ở đây là tối thiểu để có thể cất giữ nguyên vật liệu cũng như là sản phẩm
  - phòng cho lò và sấy sản phẩm với diện tích 50m^2 kể cả đường ống dẫn khí nóng. Tại đây sẽ được xây ống khói cho trường hợp tận dụng than để đốt lò. Khi sấy cần đảm bảo nhiệt độ khoảng 50°C. Theo kinh nghiệm thì nhiệt độ này là đủ[9]. Tường cần được xây theo tiêu chuẩn. Phòng sấy sẽ được nối vào với lò. Cần phải xây ống khói đủ cao để khói thoát ra không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh
  - phòng cấy nấm vào bịch với diện tích 20m^2 có thể được thiết kế ngay trong phòng cấy giống nấm với diện tích 300m^2

[9] Phỏng vấn ông Phúc, chủ tịch hội cựu chiến binh, người sáng lập ra trại nấm tại Hưng Yên, ngày 6.4.2007

Phòng cấy nấm vào bịch

- nơi chuẩn bị nguyên vật liệu với diện tích 100m^2 cũng chỉ cần có tường đơn giản
- sân phơi nguyên liệu (rơm, bông, mùn cưa). Tại sân cần có một bể nông để có thể xử lý khử trùng nguyên liệu và chuẩn bị bịch nấm (300m^2). Ở sân cần lát gạch để đảm bảo vệ sinh
- khu vực trồng nấm: khoảng 900m^2. Khu vực trồng nấm đơn giản với mái bằng cọ hoặc rơm để đảm bảo nhiệt độ khi trời quá nóng (miếng lợp xi măng sẽ hấp hơi và nơi trồng nấm sẽ bị tăng nhiệt độ rất nhiều vào mùa hè). Tuy nhiên cần có biện pháp phòng cháy. Một trong những giải pháp là mái được lót một lớp lưới đen. Ngoài ra trên trần cũng được thiết kế một hệ thống tưới và phun sương. Vì trong khu vực này cần có độ ẩm cao nên sàn cần được đổ bê tông hoặc tráng xi măng để nước sau khi tưới không bị thấm xuống đất. Hệ thống phun sương sẽ rất có hiệu quả trong việc tăng độ ẩm và giúp trong việc điều chỉnh nhiệt độ khi trời quá nóng. Vì các bịch nấm sẽ được treo, nên trần nhà phải được thiết kế để đạt được sức chịu tải cao

Trần phải có khả năng chịu tải cao

- những công trình khác như bể chứa chất thải sau khi trồng nấm để làm phân vi sinh (trong trường hợp mở rộng hoạt động của Cơ sở sản xuất). Bể phải được thiết kế và xây dựng để những chất thải không lọt ra ngoài, kể cả mùi hôi
- một số công trình nhỏ khác như bể phốt, bể chứa phân và nước thải từ nhà vệ sinh v.v. cũng phải được thiết kế để không gây ảnh hưởng đến môi trường
- trong trường hợp xây cầu thang. Tỉ lệ giữa chiều cao (h) và chiều rộng (b) - tính theo mm - của cầu thang phải được thiết kế theo công thức 2h + b = 630mm. Giá trị này có thể được giảm xuống còn 600mm với điều kiện là độ nghiên của vai cầu thang không được vượt quá mức qui định

Ngoài việc để Cơ sở sản xuất có thể được phê duyệt cho việc sử dụng cũng như thỏa mãn những đòi hỏi của người sử dụng, Cơ sở sản xuất phải được thiết kế và xây dựng đúng theo luật xây dựng. Đó là hàng loạt những yêu cầu về cơ, về độ tĩnh, cấu trúc, phòng chống cháy, vệ sinh, đảm bảo an toàn lao động và về năng lượng. Tổng thể những yêu cầu này được nêu rõ ở trong các bộ luật, các qui định hiện hành. Ở tại Việt Nam đó là bộ luật Xây dựng số 16/2003/QH11, ban hành ngày 26 .11.2003.

Về phương diện đấu thầu (chọn công ty xây dựng), trong đề án xây dựng Cơ sở sản xuất chúng ta phải quan tâm xem trong đề án có đầy đủ những tài liêu như sau:

- tài liệu đề án – nghiên cứu về công trình xây dựng để phục vụ cho việc qui định đâu là đối tượng chính cần quan tâm
- tài liệu đề án để xin cấp mặt bằng xây dựng
- tài liệu để xin cấp giấy phép xây dựng. Tài liệu này là quan trọng nhất để thực hiện đề án
- tài liệu thực hiện xây dựng là một trong những tài liệu tỉ mỉ và mang nội dung lớn nhất. Tầm quan trọng của nó được đặt vào việc đưa ra được chính xác đâu là đối tượng chính của công trình. Nó bao gồm bản thiết kế, kế hoạch xây dựng và cả ngân sách chi phí cụ thể và tỉ mỉ. Nếu sử dụng tài liệu này để giám sát việc xây dựng thì khả năng bị tăng giá là rất ít xảy ra
- tài liệu về trạng thái thực tại là tài liệu chúng ta có được sau khi công trình xây dựng được hoàn tất. Tài liệu này được thiết lập từ tài liệu thực hiện xây dựng và là tài liệu cuối cùng của công trình sau khi được hoàn tất. Nó mang tính chất như một biên bản bàn giao

3.2 Yêu cầu về tài chính

Tổng ngân sách mà dự án trích ra cho việc thành lập Cơ sở sản xuất và trang thiết bị dự trù là 1 079 200 000 VND. Khoản tiền này sẽ được chia ra làm 3 năm theo chương trình ngân sách của dự án. Điều này cũng có nghĩa là không thể đầu tư ngay cả khoản tiền nêu trên vào việc xây dựng Cơ sở sản xuất. Vì vậy nếu muốn việc xây dựng hoàn tất sớm, cần phải tìm thêm nguồn vốn cho việc xây dựng này. Việc cần làm là phải xây dựng một đề án mới cho những nhà đầu tư. Tuy nhiên một trong những điều kiện cần thiết là dự án phải có được mặt bằng xây dựng như yêu cầu.

Bảng 1: Ngân sách xây dựng nhà xưởng

T.T	Nội dung	Thời gian thực hiện	Diện tích (m2)	Giá (VND)
1	Văn phòng		50	125 000 000 VND
2	Phòng lạnh		50	100 000 000 VND
3	Kho		60	20 000 000 VND
4	Kho vật liệu		100	80 000 000 VND
5	Lò hấp		30	8 000 000 VND
6	Lò sấy		50	8 000 000 VND
7	Buồng hấp giống		50	75 000 000 VND
8	Nhà cho lò hấp và sấy		50	75 000 000 VND
9	Phòng cấy nấm		20	30 000 000 VND
10	Phòng ươm giống		300	30 000 000 VND
11	Nơi trồng		800	50 000 000 VND
12	Phòng chuẩn bị bịch nấm		100	20 000 000 VND
13	Sân phơi và bể sử lý		300	15 000 000 VND
14	Các công trình phụ (đường vào, đường nước, bể chứa nước)			100 000 000 VND
15	Các biện pháp phòng chống bão lụt (xây đê, nâng nền cao)		2000	100 000 000 VND
16	Sử lý chất thải (wc, nước thải, sản phẩm thừa…)			10 000 000 VND
17	Bể		50	15 000 000 VND
	Tổng			**861 000 000 VND**

Chương trình: giai đoạn cuối của xây dựng (trước 31.3.2008)

	Mua trang thiết bị	Số lượng	Giá	Tổng chi phí
	Lò than	1	40 000 000	40 000 000 VND
	Máy lạnh	1	40 000 000	40 000 000 VND
	Bơm nước	3	2 500 000	7 500 000 VND
	Hệ thống tưới và phun sương		10 000 000	10 000 000 VND
	Tổng			**97 500 000 VND**

Chương trình: sau khi xây dựng xong (31.3.2008)

	Mua nguyên vật liệu	Số lượng (kg)	Giá	Tổng chi phí
	Rơm	50 000	400	20 000 000 VND
	Mùn cưa	10 000	600	6 000 000 VND
	Bông phế liệu	2 000	2 500	5 000 000 VND
	Giống	1 000	15 000	15 000 000 VND
	Nguyên liệu khác (vôi, phân hóa học…)		10 000 000	10 000 000 VND
	Dụng cụ lao động		10 000 000	10 000 000 VND
	Tổng			**46 000 000 VND**

	Khâu chuẩn bị	Thời gian	Thành tiền

	Muộn nhất		
Đào tạo	15.3.2008	6	60 000 000 VND
Đạo tạo trực tiếp tại trại nấm	1.4.2008	3 tháng	15 000 000 VND
Tổng			**75 000 000 VND**

TỔNG **1 079 500 000 VND**

Ghi chú: giá cả được dự tính theo giá của mùa thu năm 2006[10]. Dòng đánh dấu vàng là khoản phụ thuộc vào khả năng tài chính của dự án.

3.3 Thời gian biểu

- Nghiên cứu tư cách pháp nhân của Cơ sở sản xuất – tháng 9-10 năm 2007
- Trình Cơ sở sản xuất cho huyện, xã sau khi dự án được phê duyệt. Muộn nhất là giữa tháng 9 đến giữa tháng 10 năm 2007. Thông qua các cuộc thảo luận cần được phê duyệt đề án Cơ sở sản xuất, mặt bằng xây dựng, mô hình, tư cách pháp nhân, điều hành...
- Mở chào giá, để những người tham gia trình những tài liệu xây dựng, thiết kế và giá cả
- Thảo luận với các cơ quan chức năng về tài liệu xây dựng, thi công và tuyển chọn thầu xây dựng
- Song song với những hoạt động này thì dự án dần dần xây dựng nhóm tự lực và chọn người cho đi huấn luyện để làm việc tại Cơ sở sản xuất. Thảo luận chương trình đào tạo với các cơ quan có thể đào tạo
- Bắt đầu thi công xây dựng vào 1.1.2008. Công trình sẽ kéo dài khoảng 2 tháng. Có thể vì ở thời điểm này có nhiều mưa, việc thi công sẽ được bắt đầu sau 2 đến 3 tháng, muộn hơn so với kế hoạch
- Thu mua nguyên vật liệu: 2 tuần trước khi công trình xây dựng kết thúc
- Huấn luyện nhân viên: 2 tuần trước khi công trình xây dựng kết thúc và trực tiếp tại Cơ sở sản xuất ngay sau khi được bàn giao từ phía chủ thầu
- Khai trương sản xuất: sau khi Cơ sở sản xuất được nghiệm thu
- Thu hoạch đầu tiên: 3 tháng sau khi bắt đầu sản xuất
- Bàn giao lại Cơ sở sản xuất cho nhóm tự lực (đối tượng hưởng lợi của dự án)

[10] Kế hoạch sản xuất nấm ăn ở phường Phúc Thắng, Phúc Yên tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn Viện công nghệ sinh học Hà Nội 10/10/2006.

Bảng 2: Thời gian biểu làm việc của Cơ sở sản xuất

Bang thoi gian bieu lam viec cua co so san xuat

So T.T	Noi dung cong viec	Bat dau	Ket thuc	Thoi gian	Q3 - 2007			Q4 - 2007			Q1 - 2008		
					Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
1	Nghien cuu tu cach phap ly	8/26/2007	9/6/2007	8									
2	Trinh mo hinh CSSX cho huyen, xa	9/13/2007	10/4/2007	15									
3	Mo chao gia, thiet ke, gia ca...	10/4/2007	11/2/2007	2[illegible]									
4	Thao luan xay dung, ban thiet ke, gia thanh...	11/8/2007	11/14/2007	4									
5	Chon cty thau	11/14/2007	12/4/2007	14									
6	Xay dung nhom tu luc, tuyen dung, huan luyen, dao tao...	9/13/2007	12/4/2007	58									
7	Xay dung	1/1/2008	2/28/2008	42									
8	Thu mua nguyen vat lieu	2/14/2008	2/27/2008	9									
9	Dao tao, huan luyen nhan cong, chon chuyen gia giam sat cong viec tai CSSX...	2/1/2008	4/30/2008	63									

So T.T	Noi dung cong viec	Bat dau	Ket thuc	Thoi gian	Q1 - 2008			Q2 - 2008			Q4 - 2009		
					Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
10	Khai truong san xuat..	2/28/2008	11/30/2009	457									
11	Thu hoach dau tien	5/31/2008	7/30/2008	42									
12	Trao lai cssx cho nhom tu luc (Hoi nguoi khuyet tat) cua xa	11/30/2009	12/31/2009	23									

3.4 Môi trường

Cơ sở sản xuất ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường của xã từ phương diện cảnh quan.

Về ảnh hưởng từ phương diện kỹ thuật như rác thải, tiếng ồn, bụi mà mùi từ sản xuất của xưởng thì rất ít.

Tính năng sản xuất của Cơ sở sản xuất gần như hòa đồng với điều kiện môi trường của xã ở thời điểm hiện nay. Hầu như không phát sinh ra rác thải. Tất cả các nguyên vật liệu đều được tận dụng vào làm bịch cấy nấm. Những nguyên liệu này sau có thể tận dụng để trồng rau sạch hoặc phân vi sinh. Cơ sở sản xuất sẽ cần rất nhiều nước để tưới, nhưng nước chảy xuống từ các bịch nấm sau khi tưới hoàn toàn không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Theo giáo sư Kiệt từ Viện công nghệ sinh học trường Đại học quốc gia Hà Nội thì nước chảy từ bịch nấm xuống sạch như nước giếng.

Ngay tại trong Cơ sở sản xuất hầu như không có máy móc, vì thế có thể khẳng định được là sẽ không có tiếng ồn, gây ảnh hưởng tới cuộc sống của bà con xung quanh, từ xưởng. Ngay cả bụi hoặc ô nhiễm môi trường khi xưởng hoạt động cũng có thể loại bỏ. Lò sấy nguyên liệu và sấy nấm tương đối nhỏ. Bởi vì cho những công việc này không cần một lò có công suất lớn.

Từ rơm và nấm tươi cũng như nấm đã sấy khô hoàn toàn không có mùi hôi, ngược lại rơm cũng như nấm lại cho mùi thơm. Vì môi trường trồng nấm cần có độ ẩm cao, rất có thể sẽ có mốc. Việc đảm bảo thông thoáng môi trường và vệ sinh sạch sẽ là phương pháp chống mốc hiệu quả nhất.

Về phương diện mỹ quan thì dự án sẽ yêu cầu nhiều bản phác thảo kiến trúc với mục tiêu sao cho Cơ sở sản xuất hòa với môi trường xung quanh và với những công trình xây dựng xung quanh. Có nghĩa là Cơ sở sản xuất phải có nhiều những khía cạnh mà làm nổi bật lên được nét đặc trưng của nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên điều này được thực hiện chỉ với điều kiện được biết trước mặt bằng

xây dựng ở đâu để có thể thiết kế mô hình Cơ sở sản xuất sao cho phù hợp nhất. Dự án cũng quan tâm đến việc làm hàng rào. Xung quanh Cơ sở sản xuất sẽ được trồng cây. Những cây này không chỉ tôn thêm cảnh quan mà còn có tác dụng bảo vệ và phòng chống ví dụ chúng sẽ phục vụ như đê chống lụt, ảnh hưởng tích cực đến việc điều khiển nhiệt độ trong xưởng (bóng râm của chúng có tác dụng rất lớn khi nắng to).

Ngoài những điều kiện và yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật, công trình xưởng phải đáp ứng được cả vấn đề môi trường. Ngay cả khi việc sản xuất tại nhà xưởng thải ít rác thì vấn đề này cũng không được phép bỏ qua. Hệ thống sử lý rác thải, nước thải cũng phải được thiết kế theo những quy định hiện hành.

4 Tư cách pháp lý và điều hành

4.1 Cơ cấu tổ chức

4.1.1 Nhân sự của dự án

Ban điều hành: ban này trực tiếp chịu trách nhiệm về xây dựng và sau này về vận hành của Cơ sở sản xuất. Ban được thành lập từ nhóm của dự án. Ban điều hành là một bộ phận nhỏ của nhóm thực hiện dự án và chịu trách nhiệm trực tiếp dưới ban quản lý dự án. Ban quản lý dự án đảm bảo cho dự án được thực hiện, tổ chức và hoạt động và giám sát. Ở đây gồm các chức vụ:

- Chủ nhiệm dự án – Mgr. Jiří Kocourek,
- Phó chủ nhiệm dự án – Ing. Nguyen Viet Cuong,
- Điều phối viên dự án – Bc. Nguyen Thi Lan Anh

Chủ nhiệm dự án trực tiếp chịu trách nhiệm về diễn biến của dự án, về liên lạc với Bộ Lao động và Xã hội CH Séc, với Đại sứ quán CH Séc tại Hà Nội, với các tổ chức đối tác, với các nhóm được hưởng lợi và với các cơ quan kiểm tra và hợp tác khác. Phó chủ nhiệm dự án, sau khi trao đổi với chủ nhiệm, chịu trách nhiệm về xây dựng mô hình, công trình xây dựng và sau này là vận hành Cơ sở sản xuất. Điều phối viên dự án cùng với đại diện của nhóm tự lực hoặc với một cán bộ dự án trực tiếp giam sát quá trình xây dựng, trợ giúp trong việc tuyển dụng, mua nguyên vật liệu, tổ chức huấn luyện và xây dựng thời gian biểu của xưởng. Điều phối viên hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc quản lý xưởng, quản lý giấy tờ liên quan đến đầu vào và đầu ra của xưởng trong khi chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm dự án không có mặt tại Việt Nam.

Bảng 3: Sơ đồ quản lý Cơ sở sản xuất của người khuyết tật

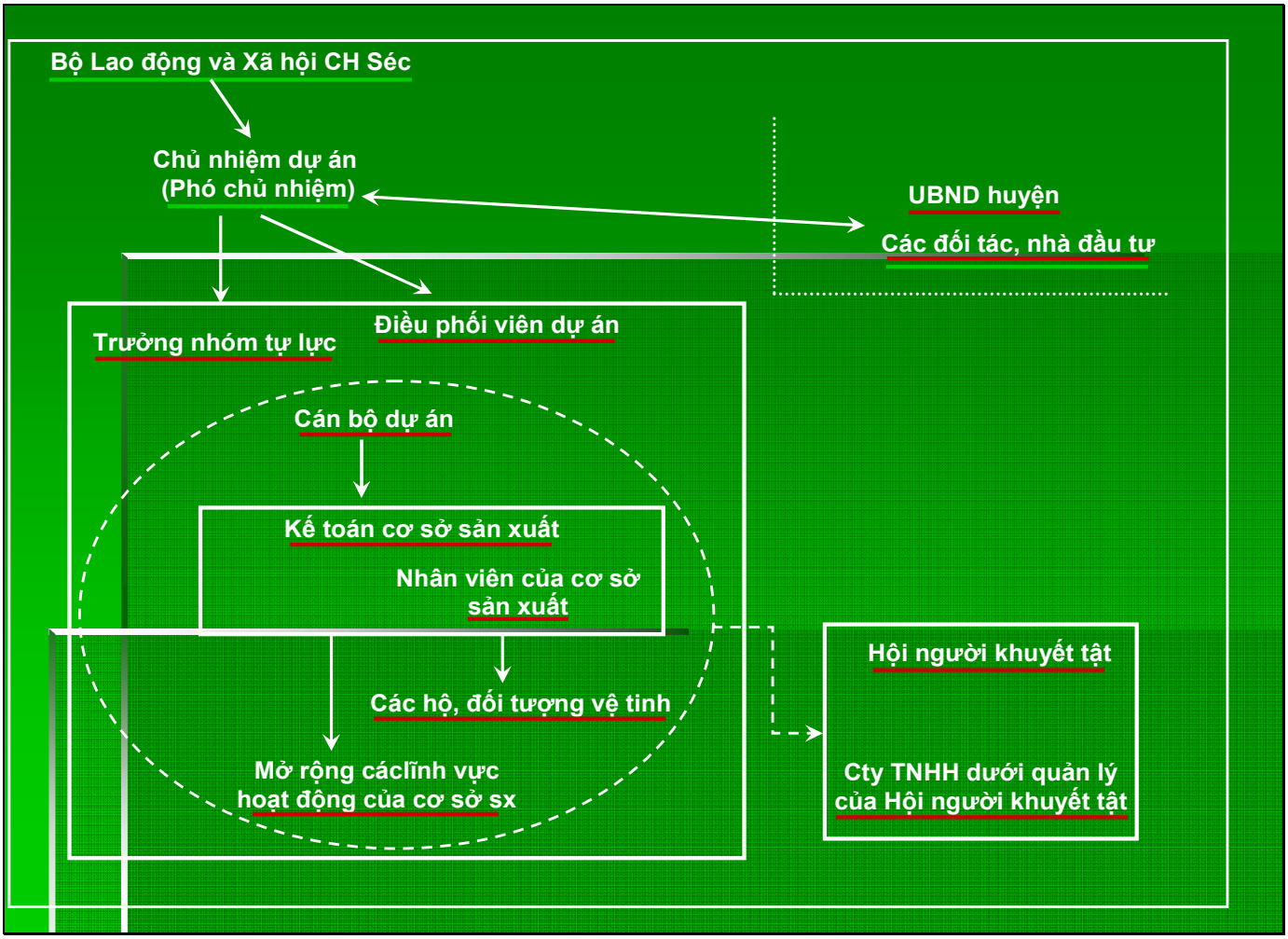

– Kế toán của xưởng chịu trách nhiệm bảo quản giấy tờ liên quan đến tài chính của xưởng. Điều phối viên dự án trực tiếp giám sát công tác này. Kế toán có nhiệm vụ báo cáo hàng tháng về tình hình kinh tế của xưởng.

Ngoài những chức vụ chính trên còn có một số cơ quan bên ngoài tham gia, ví dụ như UBND huyện, các đối tác, các nhà đầu tư và những cá nhân, tổ chức tự nguyện. Trong khuôn khổ các công tác chuẩn bị và những lần thảo luận thì dự án có nhận được cam kết từ 4 tổ chức: UBND huyện Phong Điền (vào tháng 3 năm 2007 ký kết hợp tác giữa Mgr. Jiří Kocourek, Xã hội học ứng dụng và UBND huyện). Ngoài ra nhóm dự án đã có cuộc thảo luận với dự án Phần Lan về nông nghiệp và phát triển nông thôn tại địa bàn của huyện. Một đối tác có tiềm năng thứ 3 là tổ chức Đông Tây hội ngộ với trụ sở ở Đà Nẵng. Dự án cũng đã có cuộc nói chuyện với tổ chức này và tổ chức này cũng có thể tham gia hỗ trợ, tổ chức thứ 4 là Liên minh các hợp tác xã nông nghiệp tại Huế. Ngoài ra có sự kết nối tương đối đều đặn giữa dự án và Viện công nghệ sinh học cây trồng tại Hà Nội. Với viện, dự án đang thảo luận một đề án đào tạo nhân viên của dự án. Đề án này sẽ được cụ thể hóa sau khi dự án được phê duyệt.

Nhóm dự án cũng đã viếng thăm xã Phú Lương I, nơi mà công tác trồng nấm được áp dụng trên diện rộng và rất thành công. Nhóm dự án có cuộc nói chuyện với ông Thụ, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp Phú Lương I và ông Thụ cam kết sẽ cung cấp dịch vụ huấn luyện trong công tác trồng nấm. Lợi ích của sự cộng tác với xã này là ở đây người dân đã có kinh nghiệm trong việc trồng nấm theo

điều kiện địa phương (gần với địa bàn của dự án) và khoảng cách đi lại giữa hai xã có thể chấp nhận được.

Trong nhóm đối tượng hưởng lợi của dự án sẽ có 10 người được tuyển dụng vào làm việc tại Cơ sở sản xuất. Họ sẽ được hưởng lương hàng tháng. Những lao động ở đây sẽ kết hợp cùng với xưởng trưởng và những đối tượng khác tìm nguồn tiêu thụ sản phẩm. Nếu có thể, xưởng sẽ được mở rộng hoạt động của mình ra một số sản phẩm khác cũng như áp dụng hoạt động vào các hộ muốn tham gia.

1. Các hoạt động trong xưởng (các công tác cụ thể)

Vì đây là một quy trình sản xuất, nên nó được chia ra những giai đoạn cụ thể như sau:

- Chuẩn bị
- Phát triển
- Thu hoạch
- Tiêu thụ, chế biến

Chuẩn bị:

Khâu này gồm những hoạt động chuẩn bị nguyên liệu, bịch cấy nấm, cấy nấm... Riêng chuẩn bị nguyên liệu là yêu cầu người lao động phải có khả năng phơi và đảo rơm. Điều này có nghĩa là để làm được việc này người lao động phải có khả năng đi lại và làm việc bằng tay.

Phát triển: công việc phù hợp với người ngồi trên xe lăn

Sau khi cấy nấm vào bịch thì bịch nấm được mang vào phòng có nhiệt độ thấp hơn, để sợi nấm có thể mọc. Sau đó thì mầm nấm bắt đầu mọc. Tất cả quá trình này được tiến hành trong phòng có nhiệt độ thấp hơn. Sau đó thì những bịch nấm sẽ được mang ra treo ở nơi trồng. Trong giai đoạn này các bịch nấm cần phải được tưới ít nhất là 2 lần trong ngày. Lượng nước cũng như tần suất phụ thuộc vào nhiệt độ bên ngoài và độ ẩm bên trong trại nấm.

Thu hoạch: công việc cũng phù hợp với người ngồi trên xe lăn

Đây là việc hái nấm. Nấm được hái bằng cách bẻ cây nấm trên bịch. Giữa hàng và ngăn để bịch nấm cần phải để đường đi với chiều rộng tối thiểu để xe lăn có thể đi qua được thoải mái.

Tiêu thụ, chế biến (phơi, sấy): công việc cũng phù hợp với người ngồi trên xe lăn

Song song với những giai đoạn trên ở tại xưởng còn cần phải thực hiện một số công việc khác, ví dụ như bảo dưỡng, bơm nước vào bể (nếu như cần thiết), tái tạo bịch nấm, dọn dẹp v.v. Tất cả nhưng công việc nêu đây yêu cầu người lao động không bị khuyết tật về vận động (họ có thể đi lại và tay làm việc được). Bởi đây là những công việc khó hơn, yêu cầu sự khéo léo và hiểu biết những trang thiết bị trong xưởng (công tác bảo dưỡng) hoặc đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn (ví dụ khi dọn dẹp – bởi ở trong xưởng cần phải giữ vệ sinh, nếu không sẽ bị mốc).

Cơ sở sản xuất cho người khuyết tật là một phần không nhỏ và là mục tiêu chính của dự án. Dự án bảo hộ hoàn toàn về mặt tài chính cho tới khi dự án được trao lại toàn bộ. Ý tưởng, mô hình, xây dựng và vận hành xưởng vì thế hoàn toàn phải dưới sự kiểm tra của dự án. Dự án quản lý toàn bộ Cơ sở sản xuất dưới tên của mình và chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư dự án (bộ Lao động và Xã hội CH Séc). Người khuyết tật tại xã là đối tượng được hưởng lợi của dự án và vì thế toàn bộ dự án sẽ được trao lại tận tay cho họ kể cả Cơ sở sản xuất.

Một số hoạt động trong Cơ sở sản xuất có thể cho người thiểu não làm việc, tuy nhiên họ phải được giám sát bằng một người khỏe mạnh về trí tuệ.

4.2 Đầu vào, đầu ra

4.2.1 Nguyên liệu, sức lao động, trang thiết bị công nghệ

4.2.1.1 Nguyên liệu

Ngoài những khu vực như kho, nhà chế biến và chuẩn bị cấy nấm, nơi trồng nấm v.v. để sản xuất cần phải có thêm nguyên liệu như rơm khô, mùn cưa cao su, bông phế phẩm, phân hóa học, vôi bột và nước. Ngay cả những thân cây sắn cũng có thể tận dụng để trồng nấm – mộc nhĩ.

Rơm có rất nhiều tại địa bàn xã. Người dân hầu như không tận dụng cây rơm làm gì khác ngoài việc để đun bếp và cho gia súc. Vì rơm không có độ nóng như củi và than, rơm thường bỏ không và hầu như không được sử dụng. Rơm có thể mua với giá rất rẻ (công người dân chở đến) và nguồn rơm là 2 lần trong năm.

Mùn cưa từ cây cao su là một loại nguyên liệu nữa để trồng nấm. Ở xã có cây cao su, nhưng chúng còn rất trẻ và vì thế mùn cưa cao su phải mua từ nơi khác đến. Ưu điểm của nó là có thể tái sử dụng bằng cách hấp.

Bông phế liệu là nguyên liệu cũng có sẵn. Điều phối viên dự án đã tìm hiểu nguồn bông tại Huế, cụ thể là tại Công ty cổ phần sợi Phú Bài vào tháng 5 năm 2007. Ưu điểm của bông là cho hiệu quả cao nhất trong các loại nguyên liệu và cũng có thể tái sử dụng thông qua hấp khử trùng.

Phân hóa học và vôi cũng có sẵn tại nông thôn Việt Nam và xã Phong Mỹ không phải là trường hợp ngoại lệ. Vôi bột được sử dụng để khử trùng cho rơm khô và phân hóa học (một lượng rất nhỏ) dùng để trộn lẫn làm bịch nấm cho sản lượng cao hơn.

Ở xã có đủ nước. Tuy nhiên địa bàn mà Cơ sở sản xuất được xây dựng có đủ nước hay không thì vẫn còn là 1 câu hỏi. Có thể giải quyết bằng 2 cách: đào giếng và dẫn nước từ nguồn nước tới.

4.2.1.2 Nguồn nhân lực

Một trong những mục tiêu của dự án là hỗ trợ bình đẳng trong cơ hội việc làm cho cả hai giới. Vì vậy Cơ sở sản xuất sẽ tuyển dụng người lao động của cả hai giới và người dân từ những dân tộc thiểu số khác ngoài những tiêu chí khác mà dự án đặt ra. Vì việc làm ở xã có rất ít và cuộc sống của người dân gần như là phụ thuộc vào nông nghiệp và đặc tính sản xuất của Cơ sở sản xuất rất gần gũi với trình độ, khả năgn và không đòi hỏi chuyên môn cao nên những chỗ làm không khó để tìm được người lao động phù hợp.

Ý tưởng của Cơ sở sản xuất là tạo điều kiện cho các hộ khác có thể tham gia vào sản xuất. Họ sẽ tham gia bằng cách sản xuất trực tiếp tại nhà với sự hỗ trợ của dự án về mặt kỹ thuật, nguyên vật liệu cũng như tiêu thụ sản phẩm.

Tiêu chí tuyển dụng người lao động đang được hoàn tất với sự cộng tác của bác sĩ đối tác và tư vấn của những nhà sư phạm đặc biệt. Mục tiêu của dự án chủ yếu là người khuyết tật có khả năng lao động.

Tiền lương cho người lao động khi làm việc đầy đủ không quá cao, nhưng cũng sẽ tương đương với mức thu nhập mà những người dân ở xã có được. Vì tính chất công việc không khó và việc làm không nhiều tại địa bàn thì các khoản lương này (trung bình là 500 000 đồng một người) là tương xứng. Tiền lương chia ra làm 2 phần: lương cứng và lương chuyên cần (theo năng xuất).

4.2.2 Tiếp thị

Phân tích theo mô hình SWOT:

- S-mặt mạnh:
    - Nguồn vốn ban đầu – dự án đầu tư vào xây dựng Cơ sở sản xuất, đào tạo nhân viên, mua trang thiết bị, nguyên vật liệu...
    - Không cần nhiều vốn ngoài việc xây dựng – khoảng 6,5% tổng ngân sách chi cho Cơ sở sản xuất (khoản này được tính cho 6 tháng sản xuất)
    - Nguyên liệu, đầu vào sẵn có – rơm có nhiều và 2 lần trong năm. Những nguyên liệu khác cũng dễ kiếm với giá phải chăng.
    - Sản xuất không đòi hỏi mất nhiều sức và khéo tay – toàn bộ giai đoạn trồng nấm là công việc nông nghiệp hàng ngày. Hơn nữa công việc lại ở trong xưởng chứ không phải trên ruộng.
    - Tính chất công việc gần gũi với người dân – đó gần như công việc đồng áng, chỉ khác cách chăm sóc. Tất nhiên lao động sẽ được huấn luyện bằng nguồn kinh phí của dự án.
    - Thị trường lớn – tại tỉnh có 1 138 000 người dân (năm 2006)[11]. Tỉnh có 9 huyện và chỉ có xã Phú Lương là có các trại nấm nhưng mang tính chất gia đình. Có những người trồng nấm với quy mô nhỏ ở một số nơi khác, nhưng sản phẩm của họ không đáng kể. Phía nam của tỉnh là thành phố Đà Nẵng, một thị trường có tiềm năng lớn nhất tại trung Việt Nam. Ngoài thị trường nội còn có cơ hội xuất khẩu.
    - Giá cả không bấp bênh – theo khảo sát do nhóm dự án (Th.S J. Černík, Th.S Nguyễn Viết Cường) trực tiếp thực hiện tại chợ lớn nhất của tỉnh thì giá cả ít khi có biến đổi mạnh, thậm chí có chiều hướng tăng.
    - Điều kiện vận chuyển thuận lợi – từ xã đến quốc lộ 1A của rất thuận tiện. Từ tháng 3-5 năm 2007 có sửa đường từ xã ra huyện.
    - Tận dụng được nguyên liệu tự nhiên, hạ được đầu tư cho đầu vào và vì thế có thêm nguồn để cho việc vận hành sản xuất.
- W-mặt yếu:
    - Người khuyết tật bị hạn chế đi lại – họ không thể làm một số công việc nhất định.
    - Chưa có kinh nghiệm trồng nấm – đây là chương trình thí điểm, tuy nhiên nó có thể ứng dụng và đã được ứng dụng ở nhiều nơi khác với điều kiện khí hậu tương tự.
    - Địa bàn xã Phong Mỹ có nhiều đồi núi nên việc vận chuyển đối với người khuyết tật khá khó khăn.
- O-cơ hội:
    - Mở rộng sản xuất – các hộ khác có thể tham gia
    - Mở rộng mặt hàng sản xuất – ngoài việc trồng nấm ra xưởng có thể chế biến ví dụ sấy khô sản phẩm, muối hoặc trồng rau sạch, sản xuất phân vi sinh v.v.

[11] http://www.thuathienhue.gov.vn/Index.aspx

- Khả năng tái đầu tư từ nguồn lãi thu được – vì dự án sẽ trả lương trực tiếp cho người lao động cho tới khi dự án được trao lại, tất cả lãi từ việc sản xuất sẽ được tái đầu tư vào sản xuất, mua nguyên liệu, mở rộng hoạt động v.v.
- Dự án thí điểm tại huyện – có thể có nhà đầu tư khác tham gia
- Có khả năng tiêu thụ hết sản phẩm – Viện công nghệ sinh học cây trồng cũng như trung tâm nấm ở xã Phú Lương cam kết sẽ mua hết sản phẩm nếu có.

- T- mối đe dọa:
  - Không đủ nguồn nước
  - Lụt, bão – xã nằm trong địa bàn thường xuyên bị thiên tai đe dọa
  - Khả năng trực tiếp giám sát ít – nhóm dự án không thể có mặt liên tục trong khâu xây dựng, sản xuất và tiêu thụ.

Đầu tư lúc đầu từ nguồn của dự án là một ưu thế rất lớn cho xưởng. Một mặt là tín dụng cho người dân ở xã, nhất là người khuyết tật, là việc không thể hình dung được. Mặt khác là dự án trả tiền cho lao động cho tới khi dự án được trao lại. Nhờ vậy người lao động trong xưởng được đảm bảo về mức thu nhập cho tới khi xưởng tự nuôi lấy mình. Sau đó sẽ không cần đầu tư lớn vào xưởng nữa và như vậy sẽ giúp được các hộ tham gia vào sản xuất. Một trong những cái lợi lớn nữa là tại xã có đủ đầu vào kể từ nguyên liệu đến nguồn nhân công lao động. Thị trường tương đối lớn và có tiềm năng. Có hệ thống các đại lí to nhỏ đến tận nơi để mua hàng. Giá cả trên thị trường ổn định. Tính chất công việc trong xưởng gần gũi với người dân. Khả năng mở rộng sản xuất cũng như mặt hàng là rất có thể.

Bên cạnh những ưu điểm còn có một số điểm khuyết. Ví dụ như nguồn nhân lực bị tật, trồng nấm là một nghề mới ở xã v.v.

4.2.3 Những sản phẩm khác

Ngoài việc trồng nấm ra Cơ sở sản xuất sẽ thử nghiệm mở rộng hoạt động như muối nấm, sấy khô và chế biến khác ví dụ như sản xuất chè từ những loại nấm chữa bệnh. Ngoài việc chế biến dự án sẽ kêu gọi đầu tư thêm vào sản xuất và chế biến nấm chữa bệnh để cho vào ngành khác ví dụ như cung cấp cho công nghiệp dược.

Rau sạch (không có hóa chất) là một mặt hàng „nóng“ trong thời điểm hiện tại và chất thải từ nấm rất phù hợp cho trồng loại rau này. Theo giáo sư Kiệt ở Viện công nghệ sinh học trường Đại học quốc gia tại Hà Nội thì chất thải từ nấm rất phù hợp cho việc trồng rau các loại theo vụ mà các loại rau này luôn thiếu. Theo ông thì sau khi trồng rau, chất thải ra sẽ được chế biến thành phân vi sinh. Loại phân này cũng thiếu trên thị trường.

4.2.4 Vận chuyển

Xã nằm cách thành phố Huế khoảng hơn 40 km. Đường giao thông từ xã lên đến huyện nối vào quốc lộ 1A rất tốt. Tại huyện Phong Điền, cách xã khoảng 12km, có cả ga tàu hỏa. Ga này là một trong nhiều ga khác trên tuyến đường sắt Bắc-Nam xuyên Việt Nam. Tất cả những cái đó tạo nên điều kiện rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa.

Các vụ thu hoạch rất đều đặn, giao thông qua lại rất nhiều và hàng hóa được cung cấp đến tận các chợ ở địa phương, vì vậy không cần phải có một xe tải lớn. Hơn nữa các thương gia cất buôn cũng sẽ tới tận nơi để mua hàng.

5 Khuyến cáo mở rộng mô hình

Cơ sở sản xuất với mô hình trồng nấm sẽ là một mô hình đầu tiên tại tỉnh. Nhóm dự án trong thời gian khảo sát để tìm một mô hình thích hợp nhất cũng đã quan tâm tới những hình thức sản xuất khác mà có khả năng thành công trong khuôn khổ xưởng. Ví dụ trồng cây cảnh như hoa phong lan. Trồng hoa phong lan là một mô hình đầu tiên mà nhóm của dự án quan tâm tới. Vì hiệu quả kinh tế không cao và có tính thời vụ nên nhóm của dự án đã khuyến cáo trồng phong lan như một sản phẩm phụ. Bởi đây cũng là công việc trồng trọt, gần gũi với người dân và công việc này cũng không đòi hỏi quá nhiều khi trồng.

Một mô hình sản xuất tại xưởng khác là làm viên than từ rơm. Vì nhóm dự án không có đủ thời gian để nghiên cứu và tìm hiểu đầy đủ thông tin về sản phẩm này, nên công việc sản xuất vẫn còn để ngỏ

Trồng nấm liên quan đến vệ sinh. Chất thải từ bịch nấm sau khi thu hoạch có thể tái sử dụng hoặc có thể dùng để trồng những loại rau theo mùa. Vệ sinh an toàn thực phẩm là một vấn đề nóng bỏng tại Việt Nam, khả năng mở rộng hoạt động của sccx là rất thực tế. Chất thải sau khi trồng rau không còn tái sử dụng được nhưng có thể dùng để làm phân vi sinh. Mô hình sản xuất khép kín này được đề nghị khi nhóm của dự án phỏng vấn giáo sư Kiệt, Viên công nghệ sinh học của trường Đại học quốc gia tại Hà Nội.

Như đã nhiều lần đề cập tới, nấm ngoài việc có thể dùng như một loại thức ăn rất phù hợp có thể sử dụng như một loại thuốc để chữa trị một số bệnh. Văn hóa Viễn đông xưa cũng đã biết về công dụng chữa bệnh của mốt ố loại nấm. Ngay cả từ những văn bản còn lưu lại từ thời Trung cổ cũng có ghi là người xưa đã dùng một số loại nấm để chữa được một số bệnh. Ngay cả hiện này tại Nhật Bản người ta gọi nấm Hương là nấm „trường thọ“ hoặc là „thuốc tiên“. Hiện nay một số viện khoa học có tiếng cũng đang nghiên cứu công dụng chữa bệnh của nấm[12]. Nâng cao hiểu biết về Cơ sở sản xuất như một ý tưởng để lôi kéo nhà đầu tư từ công nghiệp dược là hoàn toàn thực tế.

Nhóm tự lực của người khuyết tật cũng sẽ tham gia vào Cơ sở sản xuất. Một mặt là tiêu thụ sản phẩm, mặt khác sẽ tham gia vào việc điều hành Cơ sở sản xuất và mở rộng quỹ sản phẩm của Cơ sở sản xuất. Tại Cơ sở sản xuất có phòng dạy nghề. Chổi Đót là một trong những sản phẩm được nhắc tới nhiều khi nhóm dự án tiến hành khảo sát ý kiến của người dân cũng như của các cán bộ xã (trưởng thôn, chủ nhiệm hợp tác xã). Sản xuất với quy mô nhỏ sản phẩm có khả năng tiêu thụ trên thị trường địa bàn tỉnh.

[12] http://www.volny.cz/myceliumwolf/recepty.htm#lecive_ucinky

6 Nguồn tài liệu tham khảo:

Tài liệu chuyên môn

1. Nguyễn Hữu Đống, Đinh Xuân Linh.: *Nấm ăn, nấm dược liệu. Công dụng và công nghệ nuôi trồng*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội 2005
2. Trần Đình Hằng, Nguyễn Hữu Ngoan: *Khảo sát kết quả sản xuất nấm ăn của một số trang trại và nông hộ thuộc các tỉnh thuộc Bắc bộ 2001-2002*
3. Jan Černík, *nghiên cứu về Việt Nam*, 2007
4. Văn Mỹ Dung: *Kỹ thuật trồng một số loại nấm ăn thông dụng*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội 1980
5. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn T.P. Hồ Chí Minh: *Sổ tay hướng dẫn trồng nấm*, NXB Nông nghiệp, Hồ Chí Minh 2000
6. Trịnh Tam Kiệt, Vũ Mai Liên, Đoàn Văn Vệ: *Sinh học và kỹ thuật nuôi trồng nấm ăn*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội 1986
7. Nguyễn Hữu Ngoan: *Mô hình trồng nấm mỡ cho hội người mù*, Đại học nông nghiệp I, Huế 2006
8. Trần Đình Đằng, Nguyễn Hữu Ngoan, *Tổ chức sản xuất một số loại nấm ăn ở trang trại và gia đình*, NXB Nông nghiệp, T.p. Hồ Chí Minh 2007

Các trang điện tử

1. http://www.darius.cz/archeus/B_H_zampion.html
2. http://www.volny.cz/myceliumwolf/recepty.htm#lecive_ucinky
3. http://www.thuathienhue.gov.vn/Index.aspx
4. www.thuathienhue.gov.vn
5. www.vnexpress.net
6. www.nongthon.net
7. www.wikipedia.org

Phỏng vấn

1. Ông Phúc, hội cựu chiến binh, chủ trại nấm ở Văn Giang, Hưng Yên, ngày 6.4.2007 và 27.4.2007
2. Giáo sư Kiệt, Viện công nghệ sinh học trường Đại học quốc gia Hà Nội, ngày 6.4.2007 và 11.4.2007
3. Anh Đinh Xuân Linh, giám đốc Viện công nghệ sinh học cây trồng Hà Nội, ngày 21.5.2007, ngày 14.9.2007
4. Ông Vinh, chủ nhiệm hợp tác xã Hòa Mỹ, Phong Mỹ, ngày 16.4.2007
5. Anh Cường, đại diện Liên minh hợp tác xã nông nghiệp ở Huế, ngày 15.5.2007
6. Các thương gia ở chợ Đông Ba, Huế ngày 15.5.2007
7. Anh Thu, chủ nhiệm HTX nông nghiệp Phú Lương I, ngày 11.9.2007
8. Cán bộ xã – trưởng thôn, chủ nhiệm các HTX nông nghiệp ở xã